

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KIẾN XƯƠNG  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 16-12-2021  
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia  
đình.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Thái.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đức Bường; bà Đoàn Thị Duyên

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Khánh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân  
huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình  
tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến  
Xương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2021/TLST-HNGĐ ngày  
05/10/2021 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra  
xét xử số 54/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 và Quyết định  
hoãn phiên tòa số 37/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30/11/2021, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Anh Lê Trọng T, sinh năm 1980

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn 1, xã D, huyện S, tỉnh Thanh  
Hóa.

***2. Bị đơn:*** Chị Bùi Thị H, sinh năm 1983

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Xóm 8, thôn Đ, xã M, huyện K, tỉnh  
Thái Bình.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\*) Tại đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì  
nguyên đơn là anh Lê Trọng T trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Anh và chị Bùi Thị H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 23/6/2004 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện S, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh đi làm ăn tại tỉnh Bình Dương, đến năm 2012 thì chuyển về sinh sống cùng gia đình chị H tại xóm 8, thôn Đ, xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình, sau đó anh đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan đến tháng 5/2018 thì về nước. Do hoàn cảnh gia đình anh ở quê còn mẹ già, bố đã chết nên anh có bàn với chị H về quê anh sinh sống nhưng chị H không đồng ý dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, đến tháng 9/2019 thì vợ chồng ly thân, mỗi người sống một nơi không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nữa. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Bùi Thị H.

Anh và chị H có 02 con chung là Lê Trọng T, sinh ngày 31/01/2005 và Lê Bảo A, sinh ngày 02/8/2016, hiện nay cả hai con đang ở cùng chị H. Ly hôn, anh đề nghị chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con vì các con đang học tập và sinh sống ổn định, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng/con (hai con là 2.000.000đ/tháng).

Anh và chị H tự phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay.

\*) Bị đơn là chị Bùi Thị H không trình bày lời khai, không tham gia tố tụng tại Tòa án.

\*) Đại diện chính quyền địa phương nơi chị Bùi Thị H cư trú cung cấp nội dung như sau:

Anh Lê Trọng T và chị Bùi Thị H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại tỉnh Thanh Hóa là quê anh T theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn, chị H và anh T có thời gian sinh sống và làm việc tại tỉnh Bình Dương, sau đó vợ chồng về quê chị H tại thôn Đ, xã M, huyện K sinh sống cho đến nay. Quá trình chung sống, chị H và anh T có mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không rõ vì không nhận được đơn đề nghị hòa giải của vợ chồng. Việc anh T xin ly hôn chị H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị H và anh T có 02 con chung như anh T trình bày là đúng, hiện nay cả hai con đang ở với chị H. Việc nuôi con chung đề nghị Tòa án căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh của từng người và phù hợp quy định của pháp luật để giao cho người đó, đảm bảo quyền lợi cho các cháu.

Về tài sản chung của chị H và anh T địa phương không nắm được, vợ chồng không nợ gì đối với các tổ chức, đoàn thể tại địa phương.

\*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

+ Về hôn nhân: Xử cho anh Lê Trọng T được ly hôn chị Bùi Thị H.

+ Về nuôi con chung: Giao cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Lê Trọng T, sinh ngày 31/01/2005 và Lê Bảo A, sinh ngày 02/8/2016; anh Lê Trọng T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng/con (2.000.000đ/tháng cho cả hai con). Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

+ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

+ Anh Thụ phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

+ Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để trình bày lời khai, tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn là chị Bùi Thị H không trình bày lời khai, không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa. Nguyên đơn là anh Lê Trọng T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự: Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa anh Lê Trọng T và chị Bùi Thị H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc về quê anh T tại Thanh Hóa để sinh sống. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên tháng 9/2019 vợ chồng ly thân từ đó đến

nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị H không có mặt tại phiên hòa giải thể hiện việc anh không có thiện chí để đoàn tụ với anh T. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh T và chị H là có thật và ngày càng căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho anh Lê Trọng T được ly hôn chị Bùi Thị H là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Anh T và chị H có 02 con chung là Lê Trọng T, sinh ngày 31/01/2005 và Lê Bảo A, sinh ngày 02/8/2016, hiện nay cả hai con đang ở cùng chị H. Ly hôn, anh T đề nghị giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng cho cả hai con. Hội đồng xét xử thấy: Kể từ khi anh T và chị H ly thân các con ở cùng chị H, chị H đã nuôi dưỡng và chăm sóc con chu đáo, đảm bảo quyền lợi cho con, các con đang học tập và sinh sống ổn định, chị H có thu nhập, có chỗ ở, có đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc các cháu. Do đó, áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình xử giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con là phù hợp quy định của pháp luật. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/tháng/con (2.000.000đ/tháng cho cả hai con) là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, chị H chưa có lời khai về tài sản nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Anh Lê Trọng T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 147, 203, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Lê Trọng T được ly hôn chị Bùi Thị H.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Lê Trọng T, sinh ngày 31/01/2005 và Lê Bảo A, sinh ngày 02/8/2016. Anh Lê Trọng T cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/tháng/con

(2.000.000đ/tháng cho cả hai con) kể từ tháng 12/2021 cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Anh T và chị H có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Anh Lê Trọng T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tạm ứng lệ phí, án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0001465 ngày 05/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Thái Bình thành án phí. Anh Lê Trọng T còn phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Đương sự;
- UBND xã D, huyện S, tỉnh Thanh Hóa (Nơi ĐKKH);
- UBND xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Hồng Thái**